

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 26/8/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Linh
2. Ông Nguyễn Trường Ca.

- Thư ký phiên tòa: bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982.
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1981.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại: khu dân cư L, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn V được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 22/9/2016 tại UBND phường H, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương. Hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị đã chung sống tại khu

dân cư L, phường T, thành phố C. Sau khoảng 2 năm chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh V không đi làm, không phụ giúp chị trong việc nuôi con và gánh vác công việc gia đình dẫn đến mãi chơi, có biểu hiện sử dụng ma túy. Bản thân chị cũng có góp ý, động viên để anh thay đổi nhưng anh không nghe khiến chị không chấp nhận được và quyết định ly hôn. Do hàng ngày cuộc sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn quá nhiều, anh V cũng đã bỏ về nhà chung sống với bố mẹ ở khu dân cư Đ, phường H từ năm 2019. Trong quá trình sống ly thân, anh V cũng có liên lạc mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị cương quyết không đồng ý. Đến năm 2020, anh V vào tỉnh Đồng Nai để làm kinh tế. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho chị ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con là Nguyễn Duy T, sinh ngày 20/10/2011 và Nguyễn Bảo A sinh ngày 14/6/2017. Trong đó, Nguyễn Duy T là con riêng giữa chị với người yêu cũ trước đây nhưng không đăng ký kết hôn. Chị và anh V cũng đã đến UBND phường T để làm thủ tục nhận cha con cho cháu T. Hiện cả hai con đều đang chung sống với chị và sau khi ly hôn chị vẫn có nguyện vọng được tiếp tục nuôi hai con. Về cấp dưỡng nuôi con: chị không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng, anh V tự nguyện cấp dưỡng như thế nào chị cũng đồng ý. Bản thân đang sống cùng mẹ đẻ, có chỗ ở, mở cửa hàng cắt tóc gội đầu tại nhà, thu nhập khoảng 10 triệu/tháng, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho anh V. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của BLTTDS, Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được và tiến hành thủ tục niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn V. Tuy nhiên, anh Việt không đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H.

- Bà Bùi Thị Q là mẹ đẻ của chị H và bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của anh V đều trình bày: Năm 2016, chị H và anh V kết hôn với nhau. Hai bên gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Chị H trước khi cưới anh V đã có con riêng nhưng chưa kết hôn với ai. Sau khi kết hôn, anh V và chị H sống chung với nhau ở khu dân cư L, phường T. Quá trình chung sống, anh chị có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh V mãi chơi, không tu chí làm kinh tế. Ngoài ra, anh V còn nghiện ma túy. Bản thân chị H và gia đình đã nhiều lần động viên nhưng anh V không thay đổi. Năm 2019, anh V bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở khu dân cư Đ, phường H. Sau đó anh V đi làm xa. Từ khi anh chị sống ly thân thì anh V không tìm đón mẹ con chị H. Hiện nay, chị H là người trực tiếp

nuôi con. Anh V đã làm thủ tục đăng kí nhận cha, con đối với con riêng của chị H.

- Trưởng khu dân cư L, phường T xác định: Năm 2016, anh V và chị H kết hôn và có đăng kí kết hôn. Hai bên gia đình có tổ chức đám cưới. Trước khi kết hôn với anh V, chị H đã có con riêng nhưng chưa kết hôn với ai. Sau khi kết hôn, anh V và chị H có chung sống với nhau ở khu dân cư L, phường T. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được. Từ năm 2019, anh V không còn chung sống với chị H tại địa phương và cũng không thấy anh qua lại gặp gỡ mẹ con chị. Từ khi chị H và anh V sống ly thân thì cả 2 con chung đều ở với chị H và do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Mặc dù chị H có con riêng nhưng sau khi kết hôn chị H và anh V có đến địa phương để làm thủ tục đăng kí nhận cha, con. Hiện nay, chị H đang ở với mẹ đẻ tại địa phương và có cửa hàng cắt tóc, gội đầu tại nhà nên thu nhập ổn định. Thời gian làm việc hoàn toàn chủ động.

- Trưởng KDC Đ, phường H, thành phố C xác định: Năm 2016, anh V kết hôn với chị Nguyễn Thị H được hai bên gia đình tổ chức theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, anh chị không chung sống tại địa phương nên việc có mâu thuẫn không địa phương không nắm rõ. Chỉ biết năm 2019, anh V về ở với bố mẹ đẻ tại khu dân cư Đ, phường H. Đến năm 2020, anh V đi làm ăn xa, còn địa chỉ cụ thể thì địa phương không biết. Nhiều năm nay không thấy chị H qua lại gia đình anh V, anh V cũng không có mặt tại địa phương. Địa phương không nắm được về con chung và tài sản chung của anh chị.

- Tại Công văn số 14418 ngày 11/7/2022, Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ công an cung cấp nội dung: không có thông tin cấp hộ chiếu, xuất nhập cảnh của trường hợp Nguyễn Văn V, sinh năm 1981, CMND số 141962167, hộ khẩu thường trú tại khu dân cư L, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa, các đương sự đều không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của tòa án.

- Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

- Về con chung: Giao 2 cháu Nguyễn Duy T sinh ngày 20/10/2011 và Nguyễn Bảo A sinh ngày 14/6/2017 cho chị H nuôi dưỡng. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H.

- Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết

- Án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Nguyễn Văn V có địa chỉ thường trú tại phường T, thành phố Chí L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh V đã được triệu tập đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/9/2016 tại UBND phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khoảng 2 năm chung sống, anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh V không chịu làm kinh tế, không chăm lo, quan tâm đến gia đình. Năm 2020, anh V đã về nhà bố mẹ đẻ ở khu dân cư Đ, phường H sống. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh V có 2 con là Nguyễn Duy T sinh ngày 20/10/2011 và Nguyễn Bảo A sinh ngày 14/6/2017. Hiện cả hai cháu đều đang chung sống với chị H và sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được tiếp tục được nuôi dưỡng hai cháu. Anh V hiện đang không có mặt tại địa phương, gia

đình không biết cụ thể anh V đang ở đâu nên không có căn cứ giao con cho anh V nuôi dưỡng. Trong khi chị H có chỗ ở, công việc ổn định, thu nhập đủ đảm bảo cuộc sống nên cần giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu T, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh sống của chị H. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung là Nguyễn Duy T sinh ngày 20/10/2011 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 14/6/2017 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0002997 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị H đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường H, TP C (số 53/2016);
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà